

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH
PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 2025.09.26.01/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô hiệu – tỉnh Sơn La
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Nậm Pàn – XNCN Mai Sơn
 04 Số lượng mẫu : 01
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.09.11/BBGM. Ngày 11 tháng 09 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr ⁺⁶) (*)	mg/l	0,0027	0,01	HACH Method 8023
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,116	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Chỉ số BOD ₅ (20 ⁰ C) (*)	mg/l	3,02	≤ 4	TCVN 6001-1:2008
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,35	≥ 6,0	TCVN 7325:2004



12	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*)	mg/l	0,08	0,3	SMEWW 4500 NH:8 &D:2017
13	Fluor (F) (*)	mg/l	< 0,05	1	SMEWW 4500 F . B&D: 2017
14	Tổng Phosphor (TP) (*)	mg/l	0,05	$\leq 0,1$	SMEWW 4500- P .E : 2012
15	Xyanua (CN^-) (*)	mg/l	< 0,002	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E:2017
16	Chất hoạt động bề mặt (*)	mg/l	0,09	0,1	TCVN 6622-1:2000
17	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)(*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	0,1	EPA 3510+ EPA 3630C + EPA 8081B
18	Hexachlorobenzene (C_6Cl_6) (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,002	0,04	
19	Dieldrin (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	0,1	
20	DDT và các dẫn xuất (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	1,0	
21	Heptachlor & Heptachloepoxide (*)	$\mu\text{g/l}$	< 0,02	0,2	
22	Phenol và các dẫn xuất của phenol (*)	mg/l	0,004	0,005	TCVN 6216:1996
23	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	mg/l	1,18	5,0	SMEWW 5520B:2017
24	Tổng Nitơ (TN) (*)	mg/l	0,34	$\leq 0,6$	SMEWW 4500-N.C:2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasucom@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 580/2025

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
 Vị trí lấy mẫu : Nước thô suối Nậm Pàn
 Loại mẫu : Nước mặt - Mã số 19/T9/2025
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 580/BB ngày 09 tháng 9 năm 2025
 Ngày phân tích : 10/9/2025 - 12/9/2025



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7.30	6.5 – 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
2	Sắt	mg/l	KPH <i>Lod:0.1</i>	0.5	TCVN 6177:1996
3	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mg/l	23	≤ 25	TCVN 6625:2000
4	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/l	KPH <i>Lod:0.024</i>	0.05	TCVN 6178:1996
5	Clorua	mg/l	11.2	250	TCVN 6194:1996
6	Mangan	mg/l	KPH <i>Lod:0.028</i>	0.1	PP/MN
7	COD	mg/l	2	10	PP/COD
8	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	153	≤ 1000	TCVN 6187-1:2019

9	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	5	20	TCVN 6187-1:2019
---	---------------	---------------	---	----	------------------

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận phân tích**



Nguyễn Hoàng Lâm

Kiểm soát



Đỗ Quang Phương

Sơn La, ngày 15 tháng 9 năm 2025

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- L_{od} của NO₂ được tính theo $N = 0.024$.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.